CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VILAS 778
VIMCERTS 076

Số phiếu: 02726/2024/PKQ-THH (24.3137) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY SE SỢI GIAI ĐOẠN 1
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 18/07/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 19/07/2024 - 25/07/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 26/07/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	240719.KT.005	Khí thải tại hệ thống lọc bụi (KT) (X = 1187191; Y = 411447)	Khí thải tại nguồn
2	240719.NT.003	Bể tập trung nước thải sinh hoạt của nhà máy se sợi giai đoạn 1 (NT1) (X = 1187225; Y = 411490)	Nước thải
3	240719.NT.004	Đầu ra hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy sợi polyester (NT2) (X = 1187006; Y = 411 490)	Nước thải

8. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

VIMCERTS 076

PHỤ TRÁCH PTN **P.GIÁM ĐỐC**

Vũ Thị Hà **ThS. Phạm Thị Hải Yến**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02726/2024/PKQ-THH (24.3137) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240719.NT.004)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=1,1 và Kf=1
1	Nhiệt độ[a,b]	^oC	SMEWW 2550B:2023	34,1	**40**
2	Lưu lượng nước thải[b]	m^3/h	HDCV-TB-07	85,3	**-**
3	Màu[a,b]	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	17	**150**
4	pH[b]	-	TCVN 6492:2011	8,21	**5,5 ÷ 9**
5	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7	**55**
6	COD[b]	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14	**165**
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	6	**110**
8	Asen (As)[b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	**0,11**
9	Thủy ngân (Hg)[a,b]	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,011**
10	Chì (Pb)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,55**
11	Cadimi (Cd)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,11**
12	Đồng (Cu)[a,b]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	**2,2**
13	Sắt (Fe)[a,b]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,12	**5,5**
14	Tổng dầu mỡ khoáng[a,b]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,3	**11**
15	Dầu mỡ động thực vật[b]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,8	**-**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02726/2024/PKQ-THH (24.3137) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=1,1 và Kf=1
16	Florua (F^-)(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	0,69	**11**
17	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	0,53	**11**
18	Tổng Nito(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000.	9,3	**44**
19	Tổng Photpho(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,073	**6,6**
20	Clo Dư(a,b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011.	KPH (MDL=0,16)	**2,2**
21	Coliform.(a,b)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2,1 x 10^2	**5.000**

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240719.NT.004: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy sợi polyester (NT2) (X = 1187006; Y = 411 490)

VIMCERTS 076

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VILAS 778
VIMCERTS 076

Số phiếu: 02727/2024/PKQ-THH (24.3138) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY SE SỢI 4
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 18/07/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 19/07/2024 - 25/07/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 26/07/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	240719.NT.005	Nước thải tại hố tập trung nước thải của nhà máy se sợi giai đoạn 2 trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải nhà máy sợi Polyetser (NT1) (X = 1187010; Y = 411294)	Nước thải
2	240719.NT.006	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất, 459m3/ngày của nhà máy Se sợi giai đoạn 2 (NT3) (X = 1187017; Y = 411285)	Nước thải

8. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

VIMCERTS 076

PHỤ TRÁCH PTN	P.GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Hà	ThS. Phạm Thị Hải Yến

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02727/2024/PKQ-THH (24.3138) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240719.NT.005)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=1,1 và Kf=1
1	Nhiệt độ(a,b)	^oC	SMEWW 2550B:2023	30,8	**40**
2	Lưu lượng nước thải(b)	m^3/h	HDCV-TB-07	2	**-**
3	Màu(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	58	**150**
4	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	7,63	**5,5 ÷ 9**
5	BOD_5(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	8	**55**
6	COD(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	19	**165**
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	19	**110**
8	Asen (As)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	**0,11**
9	Thủy ngân (Hg)(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,011**
10	Chì (Pb)(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,55**
11	Cadimi (Cd)(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,11**
12	Đồng (Cu)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	**2,2**
13	Sắt (Fe)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,18	**5,5**
14	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	5,8	**11**
15	Dầu mỡ động thực vật(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,3	**-**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02727/2024/PKQ-THH (24.3138) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=1,1 và Kf=1
16	Florua (F^-)[(b)]	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,17	**11**
17	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)[(a,b)]	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	**28,1**	**11**
18	Tổng Nito[(a,b)]	mg/L	TCVN 6638:2000.	30,1	**44**
19	Tổng Photpho[(a,b)]	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,44	**6,6**
20	Clo Dư[(a,b)]	mg/L	TCVN 6225-3:2011.	<0,60 (LOQ=0,60)	**2,2**
21	Coliform.[(a,b)]	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$1,7 \times 10^3$	**5.000**

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 240719.NT.005: Nước thải tại hố tập trung nước thải của nhà máy se sợi giai đoạn 2 trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải nhà máy sợi Polyetser (NT1) (X = 1187010; Y = 411294)

VIMCERTS 076

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VILAS 778
VIMCERTS 076

Số phiếu: 02727/2024/PKQ-THH (24.3138) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY SE SỢI 4
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 18/07/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 19/07/2024 - 25/07/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 26/07/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	240719.NT.005	Nước thải tại hố tập trung nước thải của nhà máy se sợi giai đoạn 2 trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải nhà máy sợi Polyetser (NT1) (X = 1187010; Y = 411294)	Nước thải
2	240719.NT.006	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất, 459m3/ngày của nhà máy Se sợi giai đoạn 2 (NT3) (X = 1187017; Y = 411285)	Nước thải

8. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

VIMCERTS 076

PHỤ TRÁCH PTN	P.GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Hà	ThS. Phạm Thị Hải Yến

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02727/2024/PKQ-THH (24.3138) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240719.NT.006)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,1
1	Nhiệt độ[a,b]	°C	SMEWW 2550B:2023	33,3	**40**
2	Lưu lượng nước thải[b]	m^3/h	HDCV-TB-07	6,18	**-**
3	Màu[a,b]	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	<10 (LOQ=10)	**150**
4	pH[b]	-	TCVN 6492:2011	6,99	**5,5 ÷ 9**
5	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-2:2008	4	**60,5**
6	COD[b]	mg/L	SMEWW 5220C:2023	8	**181,5**
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	**121**
8	Asen (As)[b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	**0,121**
9	Thủy ngân (Hg)[a,b]	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,0121**
10	Chì (Pb)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,605**
11	Cadimi (Cd)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,121**
12	Đồng (Cu)[a,b]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	**2,42**
13	Sắt (Fe)[a,b]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,15	**6,05**
14	Tổng dầu mỡ khoáng[b]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,2	**12,1**
15	Dầu mỡ động thực vật[b]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	**-**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02727/2024/PKQ-THH (24.3138) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,1
16	Florua (F^-)[a]	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,30	**12,1**
17	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)[a,b]	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	<0,04 (LOQ=0,04)	**12,1**
18	Tổng Nito[a,b]	mg/L	TCVN 6638:2000.	4,2	**48,4**
19	Tổng Photpho[a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,14	**7,26**
20	Clo Dư[a,b]	mg/L	TCVN 6225-3:2011.	KPH (MDL=0,16)	**2,42**
21	Coliform.[a,b]	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$5,4 \times 10^2$	**5.000**

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,1: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 240719.NT.006: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất, 459m3/ngày của nhà máy Se sợi giai đoạn 2 (NT3) (X = 1187017; Y = 411285)

VIMCERTS 076

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*